

Kỹ thuật nuôi cá Lóc Đồng

I. Đặc điểm sinh học

1.1 Phân bố và thích nghi

– Cá lóc sống phổ biến ở đồng ruộng, kênh rạch, ao hồ, đầm, sông, thích nghi được cả với môi trường nước đục, tù, nước lợ, có thể chịu đựng được ở nhiệt độ trên 30 độ C. Cá thích ở nơi có rong đuôi chó, cỏ, đám bèo, vì ở nơi đây cá dễ ẩn mình rình mồi. Vào mùa hè cá thường hoạt động và bắt mồi ở tầng nước mặt. Mùa đông cá hoạt động ở tầng nước sâu hơn.

– Cá lóc là loài cá dữ có kích thước tròn dài. Lược mang dạng hình núm. Thực quản ngắn, vách dày, bên trong thực quản có nhiều nếp nhăn. Dạ dày to hình chữ Y. Cá là loài cá dữ, ăn động vật điển hình. Quan sát ống tiêu hóa của cá cho thấy cá chiếm 63,01%, tép 35,94 %, ếch nhái 1,03 % và 0,02 % là bọ gạo, côn trùng và mùn bã hữu cơ.

1.2 Đặc điểm sinh sản

– Cá lóc 1 – 2 tuổi bắt đầu đẻ trứng, mùa vụ sinh sản từ tháng 4 – 8, tập trung vào tháng 4 – 5. Cá thường đẻ vào sáng sớm sau những trận mưa rào một hai ngày nơi yên tĩnh có nhiều thực vật thủy sinh. Ở nhiệt độ 20 – 35 độ C sau 3 ngày trứng nở thành cá bột, khoảng 3 ngày sau cá tiêu hết noãn hoàng và bắt đầu ăn được thức ăn tự nhiên bên ngoài.

– Sau khi nở, luân trùng *Brachionus plicatilis* được xem là thức ăn đầu tiên tốt nhất của cá bột. Ngoài ra chó thể cho ăn nấm men, lòng đỏ trứng hay thức ăn tổng hợp dạng bột. Giai đoạn kế tiếp cho ăn trứng nước (*Moina*), *Daphnia* hay trùng chỉ, ấu trùng muỗi đỏ. Giai đoạn cá giống, sâu gạo và dòi là thức ăn ưa thích của cá. Một số thí nghiệm trên cá bột cho thấy cá có khả năng sử dụng thức ăn trứng nước kết hợp với đạm đơn bào.

– *Moina* vẫn là thức ăn tốt nhất đối với cá bột trong 3 tuần lễ đầu. *Rhizopus arrhizus* hay đạm đơn bào (125µm) được sản xuất từ kỹ thuật lên men sử dụng dầu cọ làm nguồn carbon chính. Giai đoạn cá lớn thường cho ăn cá tạp, phụ phế phẩm từ các nhà máy chế biến đầu tép, tôm, ếch, cá hay thức ăn chế biến và thức ăn viên. Cá lớn nhanh vào mùa xuân – hè.

II. Kỹ thuật sản xuất giống cá Lóc

Cá Lóc bố mẹ sau khi nuôi vỗ thành thực, có thể dung hormone HCG hay não thủy thể cá Chép để kích thích cá sinh sản. Thông thường liều dung cho cá Lóc sinh sản hiệu quả là HCG với lượng dao động từ 3.000 – 4.000 UI/kg cá sinh sản.

III. Kỹ thuật nuôi thương phẩm cá lóc

3.1 Ương cá giống

– Ương trong giai: Cá lóc đẻ tự nhiên trong ao hồ, đầm lầy. Mùa vớt cá giống từ tháng 5 – 7. Dùng vợt, te xúc trong thời gian cá con tập trung thành đàn. Cá con bắt đem về ương trong giai rộng 4 x 2 x 2 m, mật độ thả 70 con /m². Cho ăn bằng cách nấu cháo thật nhừ trộn một ít cá tươi xay nhuyễn và lòng đỏ trứng vịt luộc chín cho cá ăn ngày 3 – 4 lần. Trước khi cho ăn phải kiểm tra thức còn thừa

hay thiếu để điều chỉnh cho phù hợp, cứ hai tuần trộn thêm Vitamin C và kháng sinh vào thức ăn để phòng bệnh cho cá, 1 – 2 tuần phải vệ sinh giai ương 1 lần. Sau hai tháng cá sẽ đạt trọng lượng 20g/con.

– Ương cá Lóc trong ao đất: Diện tích ao: 100 – 300 m², ao sâu 0,8 – 1m. Ao cần tẩy dọn sạch, bón lót phân gây màu nước trước khi ương để gây động vật phù du làm thức ăn ban đầu, mỗi tuần cần bón thúc 1 lần phân ủ mục. Mật độ ương từ 30 – 40 con/m². Từ ngày thứ 20 trở đi cho cá ăn bằng cá tạp, tép băm nhỏ là chính. Cần cho cá ăn đều, no, đủ, cứ 10 – 15 ngày san thưa và lọc cá một lần.

3.2 Nuôi cá lóc thương phẩm

a) Nuôi cá lóc trong giai đặt trong ao đất

– Mùa vụ nuôi: Do nguồn cá giống còn phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, nên mùa vụ thả nuôi phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết hàng năm. Thông thường mùa vụ nuôi tập trung từ tháng 5 đến tháng 9, trong đó tập trung nhiều nhất vào tháng 7 và tháng 8.

– Giống nuôi: Giống cá lóc chọn thả nuôi phải có kích cỡ đồng đều, khỏe mạnh, nhiều nhớt, không bị thương tích hay bệnh tật. Cỡ cá giống phải đạt từ 20 – 30g/con, trong giai đặt ở ao đất mật độ thả từ 60 – 90 con/m³ là tốt nhất.

– Thức ăn: Thành phần thức ăn: Cá lóc là loài cá ăn động vật, thành phần thức ăn bao gồm nhiều loại động vật tươi sống như: cá, tép, ếch nhái... Trong quá trình nuôi, có thể tập luyện cá giống quen dần với loại thức ăn chế biến từ cá nguồn nguyên liệu địa phương như cá tạp tấm cám, bắp, và VitaminC...có hàm lượng protein cao hơn 20 % hoặc sử dụng thức ăn công nghiệp hay thức ăn tự chế biến để nuôi cá.

– Khẩu phần ăn: Khẩu phần thức ăn cho cá hàng ngày sẽ được định lượng cho phù hợp với các nhu cầu dinh dưỡng và tình hình sức khỏe ở các giai đoạn phát triển của cá có thể tóm tắt ở bảng sau:

Khẩu phần thức ăn cho cá Lóc (% so với trọng lượng cá thả nuôi)

Kích cỡ cá giống (g/con)	Khẩu phần thức ăn (%)
< 10	10 - 12
10 - 20	8 - 10
20 - 30	5 - 8
30 - 50	5 - 8
50 - 100	5 - 8
> 100	5

– Cách cho cá Lóc ăn: Thông thường ở thời điểm đầu thả giống, do kích thước cá còn nhỏ, thức ăn cần được xay nhuyễn; đến khi cá lớn, thức ăn có thể cung cấp trực tiếp vào bè nuôi. Việc dùng sàn cho cá ăn được khẳng định mang lại hiệu quả cao trong quá trình nuôi.

– Chăm sóc và quản lý: Hoạt động chăm sóc và quản lý cá lóc cần phải được thực hiện thường xuyên. Các hoạt động này bao gồm: kiểm tra giai (hệ thống dây,

lưới...) và tình hình sức khỏe của cá nuôi, vệ sinh giai tránh rong bám nhiều gây mùi hôi thối.

– Thu hoạch: Để đạt kích thước thương phẩm, thời gian nuôi cá Lóc thường ít nhất là 6 tháng, thông thường là 7 – 8 tháng. Trọng lượng cá khi thu hoạch có thể đạt kích cỡ trung bình 1,2 – 1,5 kg/con. Trước khi thu hoạch 1 – 2 ngày không nên cho cá ăn nhằm hạn chế cá bị chết trong quá trình vận chuyển. Khi thu hoạch có thể dùng vợt nhằm hạn chế cá bị sây sát. Vợt thu hoạch cá phải không có gút, các phương tiện khác phải nhẵn. Sau khi thu hoạch có thể dùng ghe đục hoặc thùng chứa để vận chuyển.

b) Kỹ thuật nuôi cá lóc trong ao đất

– Kỹ thuật nuôi cá lóc ở ao đất chưa được phổ biến nhiều ở Việt Nam. Tuy nhiên ở một số nước Châu Á khác nghề nuôi cá lóc trở thành một hoạt động thông thường đối với nghề nuôi thủy sản nước ngọt.

– Trong quá trình nuôi, để góp phần nâng cao năng suất, các giải pháp kỹ thuật thông thường cần chuẩn bị tốt ao nuôi tránh cá thất thoát.

– Chuẩn bị ao

+ Diện tích ao: 100 – 1000 m², độ sâu: 1,5 – 2 m, nhiệt độ 23 – 32 độ C, pH từ 6,5 – 8.

+ Ao được cải tạo, dọn dẹp môi trường xung quanh, xâm lổ mọi, cống bọng chắc chắn. Bờ bao phải cao hơn đỉnh lủ cao nhất 0,5m. Dùng lưới chắn hoặc đăng tre cao 0,8 – 1m để tránh cá nhảy ra ngoài.

+ Mật độ thả nuôi: Mật độ nuôi trung bình 30 – 50 con/m², không nên nuôi quá dày ảnh hưởng đến sức lớn của cá. Mật độ nuôi tùy thuộc vào kích cỡ cá giống thả, có thể thực hiện theo bảng đề nghị sau:

Mật độ nuôi cá Lóc trong ao đất

Kích thước cá giống (cm)	Mật độ thả nuôi (con/m ²)
3	100
5	50
7	20
10	10
15	5
25	3
> 25	2

– Cho ăn và quản lý chăm sóc

+ Thức ăn giống như ở nuôi cá bè, khẩu phần ăn 5 – 7 % trọng lượng cá.

+ Dùng sàng để cho cá ăn và để theo dõi cá. Ngày cho ăn hai lần vào buổi sáng và buổi chiều.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống công trình nuôi và hoạt động của cá. Theo dõi sự biến động chất lượng nước trong ao nuôi, cần giữ nước sạch, định kỳ 2

– 3 tuần thay nước một lần. Nếu có điều kiện thì cho nước lưu thông nhẹ thường xuyên.

c) Phòng và trị bệnh cho cá nuôi

– Cần định kỳ 15 ngày/lần sát trùng ao nuôi bằng vôi bột với liều lượng 2 – 4 kg/100 m², vôi được hoà tan và lấy nước trong tạt đều khắp ao để phòng bệnh cho cá.

– Một số bệnh thường gặp

+ Bệnh gió: Triệu chứng cá lồi mắt, bơi lờ đờ ở ven bờ. Dùng khoảng 200g lá trầu ăn, 200g cỏ màn trầu giã lấy nước trộn với 150 ml dầu lửa và trộn đều vào thức ăn để cho cá ăn, xác bã rải đều xuống ao.

+ Bệnh đỏ xoang miệng: Dùng cỏ mực giã nát vắt lấy nước trộn thức ăn cho cá ăn, xác bã rải xuống ao.

+ Bệnh ghẻ lở: Dùng Tetracycline trộn vào thức ăn cho cá ăn.

d) Thu hoạch

Hạ mực nước ao còn khoảng 40 – 50 cm, lấy lưới kéo đánh bắt dần. Khi thu hoạch toàn bộ thì phải tát cạn. Chu kỳ nuôi kéo dài, ít nhất là 5 – 6 tháng, trọng lượng trung bình 0,8 – 1 kg/con.